TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59**/2018/DS-PT
Ngày: 24-4-2018
"V/v tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Khánh Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi

Ông Nguyễn Văn Dũ

***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Trung An– Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2018, về việc "*Tranh chấp hụi"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2018/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1960 (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1958 (*có mặt*)

Cùng địa chỉ: Số 338 ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

2. *Bị đơn:* Bà Hồng Thị Ngọc H, sinh năm 1959 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Văn Q (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn như sau:

Bà Hồng Thị Ngọc H là chủ hụi bà Huỳnh Thị C có tham gia chơi hụi của bà H cụ thể như sau:

Dây thứ nhất là hụi 3.000.000 đồng, nửa tháng khui một lần, gồm 60 người theo giao kết ban đầu, nhưng khi đưa danh sách thì có 47 người. Bà C đóng được 41 kỳ là 56.190.000 đồng. Dây hụi bắt đầu khui vào ngày 01/3/2014 đến tháng 9 âm lịch năm 2015 thì bà H tuyên bố bể hụi.

Dây thứ hai là dây hụi 1.000.000 đồng loại hụi 10 ngày khui 1 lần, bà C tham gia 1 chân đóng được 28 kỳ là 13.335.000 đồng, khui ngày 10/01/2015 đến tháng 9 năm 2015 âm lịch thì bà H tuyên bố bể hụi.

Nay bà C yêu cầu bà Hồng Thị Ngọc H trả cho bà C lại số tiền mà bà C đã đóng hụi cho bà H tổng cộng là 69.525.000 đồng.

- Bị đơn bà Hồng Thị Ngọc H có ý kiến trình bày: Trước đây bà C có chơi hụi do bà H làm chủ nhưng đã kết thúc cách nay 05 năm, bà H có thanh toán hết và không còn nợ nần gì với bà C nữa, chi tiết các dây hụi thì đã lâu rồi nên bà H không nhớ rõ và cũng không có lập sổ sách gì, những dây hụi bà C khởi kiện bà H không biết. Nên bà H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn Q không có ý kiến trình bày,

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Áp dụng khoản 14 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Pháp lệnh số 10 về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005.

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị C yêu cầu bà Hồng Thị Ngọc H trả cho bà C số tiền hụi là 69.525.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

* Ngày 17-01-2018, bà Huỳnh Thị C kháng cáo bản án sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Thị C không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật về tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] **Về tố tụng:** Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Hồng Thị Ngọc H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn Q ; những người làm chứng bà Huỳnh Thị Mỹ L, bà Nguyễn Thị Lệ C vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của những người này.

[**2**] **Về nội dung:**

Bà Huỳnh Thị C kháng cáo cho rằng giữa bà và bà Hồng Thị Ngọc H có thỏa thuận và hợp đồng góp hụi cụ thể:

Dây hụi thứ nhất: Hụi 3.000.000 đồng do bà H là chủ hụi, bà C là hụi viên, dây hụi này bắt đầu khui vào ngày 01/3/2014, dây hụi này một tháng khui hai lần vào các ngày mùng một và ngày 15 âm lịch hàng tháng, trong dây hụi này có 60 chưng hụi, bà C tham gia một chưng. Trong dây hụi này bà C đã đóng được 41 lần với số tiền 56.190.000 đồng. Đến ngày 15/10/2015 (âm lịch) thì bà H tuyên bố bể hụi, dây hụi này bà C chưa hốt.

Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng, dây hụi này do bà H làm chủ hụi, bà C tham gia một chưng và mua một chưng, tổng cộng là hai chưng, dây hụi này một tháng khui ba lần (10 ngày khui một lần), bắt đầu khui vào ngày 10-01-2015, dây hụi này gồm 70 chưng. Trong dây hụi này bà đã đóng được 28 lần với tổng số tiền 13.335.000 đồng. Đến ngày 15-10-2015 bà H tuyên bố bể hụi, dây hụi này bà chưa hốt.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cũng như tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn căn cứ vào các chứng cứ đã giao nộp là tờ giấy do nguyên đơn tự ghi lại về hai dây hụi thể hiện loại hụi, ngày tháng khui hụi, số tiền đóng (bút lục số 08) và các bản phô tô liệt kê các lần đóng hụi (bút lục từ số 10 đến số 12), toàn bộ các tài liệu này không có xác nhận của bà H hay cơ quan chức năng nào về nội dung trên các tài liệu này là đúng hay sai. Qua các lời khai của các nhân chứng do bà C yêu cầu thể hiện các nhân chứng có biết bà C tham gia chơi hụi với bà H, nhưng họ đều không biết bà C tham gia bao nhiêu chưng, đóng được bao nhiêu lần, đã hốt hay chưa. Trong quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền bị đơn không thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 quy định: "*1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp, ...*". Theo quy định tại Điều 95 của BLTTDS về xác định chứng cứ thì: "*1. Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.*"

Như vậy theo các qui định này thì bà C khi khởi kiện phải có trách nhiệm cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ thể hiện bà có tham gia chơi trong các dây hụi mà bà yêu cầu giải quyết, các tài liệu này phải là bản chính. Nhưng các tài liệu mà bà C giao nộp đều do bà tự ghi lại không có xác nhận của bà H hay cơ quan, tổ chức nào xác nhận về nội dung bà ghi là đúng và các tài liệu khác đều là bản phô tô coppi nên không có giá trị chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà. Do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là có cơ sở.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị C. Quan điểm và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[**3**] **Về án phí:** Do kháng cáo của bà C không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà C phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 148 của BLTTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Khoản 1 Điều 148 và Khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị C về yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 10-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Phần quyết định của bản án sơ thẩm được giữ nguyên như sau:

"*Áp dụng khoản 14 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Pháp lệnh số 10 về án phí và lệ phí Tòa án.*

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005.

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị C về yêu cầu bà Hồng Thị Ngọc H trả cho bà C số tiền hụi là 69.525.000 đồng."

Các phần khác của bản án sơ thẩm không ghi trong phần quyết định này không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

* *Án phí phúc thẩm*: Buộc bà Huỳnh Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, bà C được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0008954 ngày 17-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng, như vậy bà C đã nộp xong án phí phúc thẩm.

2. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Khánh Hùng

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.